

Số: 519/TB-BV

Đại Lộc, ngày 11 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá các mặt hàng Hóa chất, vật tư thực hiện Dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Sinh hóa – Miễn dịch năm 2025 tại Bệnh Viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá mua sắm Hóa chất, vật tư thực hiện Dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Sinh hóa – Miễn dịch năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

- Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bà Hoàng Thị Lệ Năm; Số điện thoại 0988259713.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các công ty tham gia báo giá, gửi báo giá trực tiếp **Phòng văn thư** hay gửi qua **bưu điện** đến địa chỉ nhận báo giá (*Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam*)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải Thông báo chào giá lên cổng thông tin điện tử của đơn vị đến trước 17h ngày 23/04/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày Bệnh viện kết thúc nhận thư mời chào giá (23/04/2025).

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng Hóa chất, vật tư thực hiện Dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Sinh hóa: Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.

2. Danh mục các mặt hàng Hóa chất, vật tư thực hiện Dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Miễn dịch: Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 2

3. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.



4. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng thành nhiều đợt, theo nhu cầu của đơn vị, thời gian cung ứng chậm nhất là 48 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua và đợt xuất trong 24 giờ

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán 100% sau khi nghiệm thu và bàn giao hàng hóa

6. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 3 và Phụ lục 4 đính kèm thông báo này, các công ty có thể tham gia chào giá 1 hay nhiều mặt hàng trong danh mục.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (Bản giấy gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).

c. Báo giá đựng trong một túi hồ sơ được niêm phong cẩn thận, bao gồm:
+ 01 bản gốc báo giá, các tài liệu kèm theo để chứng minh tính năng thông số kỹ thuật, 1 USB

Ghi chú: Phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ:

“Thư chào giá cung cấp các mặt hàng Hóa chất, vật tư thực hiện Dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Sinh hóa – Miễn dịch năm 2025 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam”

Rất mong nhận được sự quan tâm của đơn vị. *20/*

Nơi nhận:

- Các đơn vị tham gia báo giá;
- Website của Bệnh viện (đăng tải);
- Lưu: VT, KD, TCKT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thống Nhất



BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC CÁC MẬT HẠNG HÓA CHẤT, VẬT TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM SINH HÓA TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Billirubin toàn phần trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	1,700	Mẫu
2	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein cholesterol)	Hoá chất dùng cho xét định lượng HDL Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người, Sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	82,000	Mẫu
3	Định lượng Urê máu [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Urea/Urea Nitrogen trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	30,000	Mẫu
4	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Glutamate Pyruvate Transaminase (GPT/ALT) trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	15,200	Mẫu
5	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng alpha -Amylase trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	500	Mẫu
6	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Creatine Kinase Isozyme trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	3,900	Mẫu

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
7	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Hoá chất dùng cho xét định lượng Total Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	15,000	Mẫu
8	Định lượng Glucose [Máu]	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh và huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	63,200	Mẫu
9	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Hoá chất dùng cho xét định lượng LDL Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	8,000	Mẫu
10	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Total Protein trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	2,400	Mẫu
11	Định lượng Creatinin (máu)	Hoá chất dùng cho xét định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	56,000	Mẫu
12	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Total Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	9,417	Mẫu
13	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	Hoá chất dùng cho xét nghiệm in vitro để định lượng Lactate trong huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	1,000	Mẫu



TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
14	Định lượng Acid Uric [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Uric Acid trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	3,600	Mẫu
15	Định lượng Mg [Máu]	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Magnesium trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu của người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	4,000	Mẫu
16	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	Hoá chất dùng cho xét định lượng Lactate Dehydrogenase trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	500	Mẫu
17	Định lượng Albumin [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Albumin trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	2,700	Mẫu
18	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng γ -glutamyltranspeptidase trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	1,400	Mẫu
19	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)	Hoá chất dùng cho xét định lượng C-reactive protein trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	9000	Mẫu
20	Định lượng RF (Rheumatoid Factor)	Hoá chất dùng cho xét nghiệm in vitro để xác định định lượng rheumatoid factor (dùng phương pháp miễn dịch đục tia để xác định định lượng yếu tố thấp khớp) trong huyết thanh, huyết tương của người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	1000	Mẫu

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
21	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Billirubin trực tiếp trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	500	Mẫu
22	Đo hoạt độ Lipase [Máu]	Hoá chất dùng cho xét nghiệm in vitro để xác định định lượng Lipase trong huyết thanh, huyết tương của người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	900	Mẫu
23	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Hoá chất dùng cho xét định lượng Glutamic-Oxaloacetic Transaminase (GOT/AST) trong huyết thanh, huyết tương người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	1,750	Mẫu
24	Streptococcus pyogenes ASO	Hoá chất dùng cho xét nghiệm in vitro để xác định định lượng anti-streptolysin-O trong huyết thanh của người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	300	Mẫu
25	Hoá chất xét nghiệm HbA1c	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c trong máu người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá. Tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ G7.	8,000	Mẫu
26	Hoá chất kiểm chuẩn hệ thống phân tích sinh hóa	Hoá chất kiểm tra độ chính xác, chứa thuốc nhuộm Amido, sử dụng để kiểm tra CV hệ thống phân tích sinh hoá. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485, xuất xứ G7.	50	Mẫu

PHỤ LỤC 2

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG HÓA CHẤT, VẬT TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	Hóa chất định lượng Intact PTH trong huyết thanh hoặc huyết tương EDTA. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ G7.	170	Mẫu
2	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	Hóa chất định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (AFP) trong huyết thanh người hoặc huyết tương. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	240	Mẫu
3	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	Hóa chất định lượng CA125 trong huyết thanh hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	70	Mẫu
4	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3)	Hóa chất định lượng CA15-3 trong huyết thanh hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	100	Mẫu
5	Định lượng Ferritin	Hóa chất định lượng ferritin (FER) trong huyết thanh người, huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	1,200	Mẫu
6	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	Hóa chất định lượng thyroid stimulating hormone (TSH or thyrotropin) trong huyết thanh người, hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	4,000	Mẫu
7	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	Hóa chất định lượng CA19-9 trong huyết thanh người hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	35	Mẫu
8	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	Hóa chất định lượng carcinoembryonic antigen (CEA) trong huyết thanh người hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	300	Mẫu
9	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	Hóa chất định lượng prostate specific antigen (PSA) trong huyết thanh hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	300	Mẫu

10	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	Hóa chất định lượng total triiodothyronine (TT3) trong huyết thanh hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	70	Mẫu
11	Định lượng β hCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]	Hóa chất định lượng chorionic gonadotropin người (beta hCG tổng hợp hoặc β HCG) trong huyết thanh người hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	400	Mẫu
12	Định lượng Insulin [Máu]	Hóa chất định lượng Insulin trong huyết thanh người, huyết tương heparinized, huyết tương EDTA. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	70	Mẫu
13	Định lượng ACTH (Adrenocorticotrophic hormone) [Máu]	Hóa chất định lượng adrenocorticotrophic hormone (ACTH) trong huyết tương EDTA người. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	500	Mẫu
14	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies) [Máu]	Hóa chất định lượng anti-thyroid peroxidase antibodies (TPOAb) trong huyết thanh người hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	170	Mẫu
15	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Hóa chất định lượng non-protein-bound (free) thyroxine (FT4) trong huyết thanh người hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	2,500	Mẫu
16	HBsAg miễn dịch tự động	Hóa chất định lượng HBsAg trong huyết thanh người hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	2,400	Mẫu
17	HBeAg miễn dịch tự động	Hóa chất định lượng HBeAg trong huyết thanh người hoặc huyết tương heparinized. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	40	Mẫu
18	Định lượng Cortisol	Hóa chất định lượng Cortisol trong huyết thanh người, huyết tương heparinized, huyết tương EDTA. Tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: G7	1,200	Mẫu
19	Đầu côn hút mẫu	Đầu côn hút mẫu dùng 1 lần sử dụng cho dòng máy miễn dịch phát huỳnh quang tự động. Xuất xứ: G7	2,000	Cái



**PHỤ LỤC 3
MẪU BÁO GIÁ**

Đính kèm yêu cầu báo giá ngày 11 tháng 04 năm 2025
của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT (1)	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Đơn giá cho 1 mẫu chưa bao gồm hóa chất phụ, VTYT kèm theo ⁽⁹⁾ (VND)	Đơn giá cho 1 mẫu đã bao gồm hóa chất phụ, VTYT kèm theo ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí cho 1 mẫu chưa bao gồm hóa chất phụ, VTYT kèm theo (nếu có) ⁽¹¹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí cho 1 mẫu đã bao gồm hóa chất phụ, VTYT kèm theo (nếu có) ⁽¹²⁾ (VND)	Thành tiền cho 1 mẫu chưa bao gồm hóa chất phụ, VTYT kèm theo ⁽¹³⁾ (VND)	Thành tiền cho 1 mẫu đã bao gồm hóa chất phụ, VTYT kèm theo ⁽¹⁴⁾ (VND)
1	..												
2	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾
 (Ký tên, đóng dấu)



Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.





PHỤ LỤC 4: THƯ CHÀO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam
Địa chỉ: 107 Quang Trung, Thị trấn Ái Nghĩa, Đại Lộc, Quảng Nam
Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục	Tên thương mại	Chi tiết kỹ thuật	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng/ nước sản xuất	Hãng/ nước sở hữu	Số lưu hành/ giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	ĐVT	Quy cách	Đơn giá cho 1 mẫu đã bao gồm hóa chất phụ, VTYT kèm theo (trọn gói) (có VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Mã kê khai	Mã HS	Thuế VAT (nếu có)
1																	
2																	
3																	
.....																	

Báo giá này có hiệu lực 120 ngày kể từ ngày ký báo giá

... , ngày ... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)